

Số: **3318/QĐ-BCT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển công nghiệp Vùng dựa trên lợi thế so sánh về vị trí địa lý, giao thông thuận lợi, nguồn nhân lực có chất lượng cao; Tập trung nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, phát huy vai trò đầu tàu, tạo động lực thị trường cho các vùng khác cùng phát triển;

b) Tăng cường liên kết Vùng nhằm phát huy những tiềm năng, lợi thế của từng tỉnh, thúc đẩy hợp tác trong phát triển công nghiệp; Chủ động Hội nhập quốc tế, phát triển công nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ di sản văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung

- Đến năm 2025, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành Vùng công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, phát triển công nghiệp Vùng gắn với khoa học công nghệ, sản phẩm công nghiệp của Vùng có chất lượng, khả năng cạnh tranh và giá trị gia tăng cao.

- Giai đoạn 2026-2035, các sản phẩm của công nghiệp của Vùng có thương hiệu uy tín, đáp ứng được tiêu chuẩn của các nước phát triển.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn đến năm 2020 đạt 10,5- 11,0%; giai đoạn 2021-2025 đạt 12,5 - 13,0%; giai đoạn 2026-2035 đạt 12,0 - 12,5%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp và xây dựng giai đoạn đến năm 2020 đạt 8,5-9,0%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,0-9,5%; giai đoạn 2026-2035 đạt 8,5-9,0%. Trong đó ngành công nghiệp đạt tương ứng các giai đoạn là 9,0-9,5%; 10,5-11,0% và 9,5-10,0%

- Cơ cấu ngành công nghiệp và xây dựng trong các ngành kinh tế năm 2020 đạt 48,5-49,0%, năm 2025 đạt 49,0-49,5% và năm 2035 đạt 46,0-46,5%. Trong đó ngành công nghiệp đạt tương ứng trong các năm là 36,0-36,5%; 34,5-35,0% và 32,0-32,5%.

3. Định hướng phát triển

3.1. Định hướng đến năm 2025

- Tập trung phát triển sản xuất một số sản phẩm có thương hiệu, đặc trưng cho Vùng để tham gia vào chuỗi xuất khẩu và chuỗi sản xuất trọng điểm của cả nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực như: khai thác dầu khí, sản xuất thép, sản xuất điện, phân bón, hóa chất từ dầu khí; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành thu hút nhiều lao động, đặc biệt ở các tỉnh có trình độ phát triển chưa cao: chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may, da giày, nhựa. Đồng thời tập trung phát triển nhanh hơn một số ngành, sản phẩm công nghiệp có tính chất dẫn đường như: phần mềm, điện tử công nghiệp và dân dụng; cơ khí chính xác, chế tạo khuôn mẫu, dụng cụ y tế. Khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành cơ khí chế tạo, sản xuất ô tô-xe máy, điện tử tạo ra mạng lưới vệ tinh cung cấp linh, phụ kiện phục vụ các công ty lớn;

- Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp sạch; điện tử tin học ở những khu vực có điều kiện. Tiếp tục xúc tiến thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao. Nghiên cứu đề án xây dựng khu dịch vụ kỹ thuật đặt ở ngoại vi Thành phố Hồ Chí Minh làm nhiệm vụ cải tiến kỹ thuật, công nghệ cho các doanh nghiệp ở phía Nam;

- Hợp tác, liên kết giữa các ngành, doanh nghiệp công nghiệp của Vùng với các địa phương và các Vùng khác để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp. Tham gia một cách chủ động và hiệu quả vào liên kết công nghiệp với các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới;

- Phát triển công nghiệp gắn với phát triển dịch vụ; phát triển công

ng nghiệp nông thôn, tạo động lực trực tiếp cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá trên địa bàn toàn vùng;

- Hạn chế xây dựng thêm các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiều lao động ở các đô thị lớn. Điều chỉnh lại hướng phân bố công nghiệp trên địa bàn Vùng, trên cơ sở khai thác nguồn tài nguyên và dư địa của các tỉnh có mật độ sản xuất công nghiệp chưa tập trung cao, phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3.2. Tầm nhìn đến năm 2035

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tiếp tục là vùng kinh tế phát triển năng động với chất lượng tăng trưởng cao và bền vững, đi đầu trong phát triển kinh tế; là trung tâm công nghiệp công nghệ cao với trình độ chuyên môn hóa cao. Công nghiệp phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, công nghiệp sạch, công nghệ cao, các sản phẩm của công nghiệp chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất công nghiệp toàn cầu.

4. Quy hoạch phát triển

4.1. Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu

a) Công nghiệp khai khoáng

** Giai đoạn đến năm 2025*

- Phát triển ngành công nghiệp khai khoáng trên cơ sở khai thác và sử dụng một cách hợp lý, tổng hợp và tiết kiệm nguồn tài nguyên trong vùng.

- Tích cực, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm đánh giá và thăm dò nguồn tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu khí (theo sự chỉ đạo của Chính phủ), khai thác đá vôi xi măng và các khoáng sản khác;

- Đẩy mạnh sản lượng khai thác mỏ để đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước với chất lượng và số lượng phù hợp; kết hợp có hiệu quả giữa các công trình lọc, hóa dầu, chế biến khí.

- Khai thác dầu thô và khí đốt thiên nhiên tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Khai thác đá vôi xi măng tập trung chủ yếu tại tỉnh Tây Ninh và Bình Phước. Khai thác đá, cát, sỏi xây dựng tập trung chủ yếu tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu đảm bảo đáp ứng nhu cầu của Vùng và một phần cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Khai thác sét gạch ngói và cao lanh tại Bình Dương, Đồng Nai để đáp ứng nhu cầu sản xuất gạch và gốm sứ trong Vùng. Khai thác nước khoáng tại Bà Rịa-Vũng Tàu.

** Tầm nhìn đến 2035*

- Tiếp tục đầu tư cho công tác thăm dò nâng cấp và mở rộng trữ lượng nhằm đảm bảo tài nguyên đủ tin cậy cho hoạt động của các dự án khai thác các loại khoáng sản trong Vùng.

- Khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, đồng bộ, công nghệ sạch ít gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm chế biến và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở chế biến các loại khoáng sản;

- Gắn việc khai thác, chế biến với khâu xử lý triệt để chất thải, hoàn thổ và khôi phục môi trường trong khai thác mỏ.

b) Công nghiệp cơ khí, luyện kim

*** Giai đoạn đến năm 2025**

- Ưu tiên phát triển các chuyên ngành cơ khí công nghệ cao; đầu tư phát triển các sản phẩm cơ điện tử, kết hợp với đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực và chủ động liên doanh, liên kết với các tập đoàn đa quốc gia, hướng tới trở thành nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị sản phẩm ngành cơ khí như khâu thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, chế tạo các linh kiện phức tạp, có độ chính xác cao... để thúc đẩy nâng cao năng suất và tăng giá trị tăng thêm của ngành cơ khí, chế tạo. Ngoài ra, tiếp tục phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí phục vụ các ngành giao thông, xây dựng, chế biến nông, lâm thủy sản, khai khoáng, môi trường và năng lượng.

- Sản xuất thép tấm cao cấp, thép đặc chủng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Sản xuất cơ khí đóng tàu; chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; máy móc thiết bị ngành dầu khí, phương tiện vận tải và cảng biển tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang.

*** Tầm nhìn đến 2035**

- Đầu tư mới sản xuất phương tiện vận tải, thiết bị định vị kiểm soát hải phận; dự án sản xuất một số phụ tùng thiết bị, máy móc chuyên dụng ngành hàng không dân dụng; ngành khai thác dầu khí và các khoáng sản khác; ngành chăm sóc sức khỏe; ngành giáo dục; ngành du lịch; ngành công nghiệp môi trường; ngành công nghiệp năng lượng và một số ngành khác.

- Đầu tư sản xuất máy công cụ gia công kim loại; sản xuất máy móc thiết bị cho: ngành dệt may - da giày; sản xuất nông - lâm nghiệp; chế biến thủy hải sản, thực phẩm; ngành y tế, ngành đóng và sửa chữa tàu thủy; lắp ráp ô tô và phương tiện vận tải.

c) Công nghiệp hoá chất

*** Giai đoạn đến năm 2025**

- Phát triển ngành công nghiệp hóa chất, cao su, plastic có chọn lọc để giảm thiểu khả năng gây ô nhiễm môi trường, gia tăng giá trị tăng thêm và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, đảm bảo sự phân công lao động Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Đầu tư đổi mới công nghệ, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm; phát huy tối đa công suất của các doanh nghiệp sản xuất hiện có; Đầu tư phát triển các dự án mới có công nghệ tiên tiến nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường

- Phát triển tập trung ngành công nghiệp hoá chất trong các khu, cụm công nghiệp để bảo vệ môi trường. Thực hiện triệt để kế hoạch di dời các doanh nghiệp sản xuất gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm công nghiệp, kết hợp đầu tư cải tạo, nâng cấp và đổi mới thiết bị, công nghệ.

- Sản xuất các sản phẩm hoá dầu bố trí trong Tổ hợp hoá dầu miền Nam (Bà Rịa - Vũng Tàu); Sản xuất lốp xe tải Radial công suất 1.000.000 lốp/năm tại Bình Dương; Sản xuất sơn gỗ, sơn tĩnh điện, sơn tàu biển chất lượng cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Sản xuất sản phẩm hoá dược (nguyên liệu cho thuốc kháng sinh, thực phẩm chức năng, vắcxin, hoá mỹ phẩm cao cấp, bao bì sinh học và nhựa công nghệ).

*** Tầm nhìn đến 2035**

- Phát huy công suất các nhà máy đã được đầu tư trong giai đoạn trước, đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư công nghệ hiện đại, tiên tiến tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

- Triển khai một số dự án sản xuất hóa dầu, cao su thành phẩm, chất tẩy rửa, nhiên liệu sinh học; phát triển một số dự án sản xuất liên quan đến chiết xuất dược liệu.

d) Công nghiệp dệt may - da giày

*** Giai đoạn đến năm 2025**

- Đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành.

- Phát triển công nghiệp dệt may, da giày gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp nông thôn.

- Hình thành Trung tâm thiết kế mẫu một thời trang tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Long An.

*** Tầm nhìn đến 2035**

- Tiếp tục kêu gọi các dự án và khu công nghiệp hỗ trợ cho ngành may và da giày nhằm hạn chế nhập khẩu, tăng giá thành sản phẩm.

- Tập trung nguồn lực cho sản xuất hàng xuất khẩu và chú trọng việc phát triển thị trường, đặc biệt quan tâm đến những thị trường nhiều tiềm năng như Hoa Kỳ và EU.

- Tiếp tục đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu vào các lĩnh vực may mặc, sản xuất giấy và xơ sợi. Đồng thời tập trung duy trì và nâng cao năng lực sản xuất của cơ sở hiện có và từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu.

e) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD)

*** Giai đoạn đến năm 2025**

- Phát triển những chủng loại vật liệu mới, vật liệu có hàm lượng khoa học, công nghệ, tự động hoá cao, vật liệu tiết kiệm năng lượng, xanh, sạch, sử dụng nguồn nhân lực có tay nghề cao mang lại hiệu quả kinh tế lớn.

- Phát triển sản xuất VLXD với quy mô vừa và lớn (trừ một số vật liệu cao cấp có thể có quy mô nhỏ), có kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến, đa dạng hoá sản phẩm, đạt tiêu chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế cao.

- Sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ, vật liệu cách âm, cách nhiệt dùng trong xây dựng tại các tỉnh Long An, Bình Phước, Tây Ninh.

- Sản xuất gạch bloc thù tinh, gạch trang trí tại các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Phước.

*** Tầm nhìn đến 2035**

- Tiếp tục khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm VLXD đảm bảo phát triển hài hoà, bền vững giữa kinh tế, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng đủ cho nhu cầu VLXD trong khu vực.

- Duy trì và đổi mới công nghệ nhằm phát huy hết công suất tại các nhà máy gạch, sản xuất bê tông nhẹ, bê tông đúc sẵn, sản xuất bê tông bọt để sản xuất các sản phẩm gạch bloc, tấm panen có thể cách âm, cách nhiệt, sản xuất gạch lát.

f) Công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử

*** Giai đoạn đến năm 2025**

- Đầu tư các dự án sản xuất và lắp ráp sản phẩm thiết bị điện, điện tử và tin học có quy mô lớn và hình thành mạng lưới các doanh nghiệp vệ tinh phục vụ sản xuất và lắp ráp sản phẩm cuối cùng. Đồng thời, tăng cường liên kết với các tập đoàn đa quốc gia để tiếp nhận công nghệ hiện đại.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành điện, điện tử như: linh kiện điện tử, thiết kế mạch in, chip điện tử, bo mạch điều khiển, phần mềm các loại và linh kiện kim loại, linh kiện nhựa, cao su cung ứng cho các nhà sản xuất lắp ráp trong nước và xuất khẩu.

- Hình thành các khu công nghiệp chuyên sâu về lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành điện tử (linh kiện điện tử, thiết kế mạch in, chip điện tử, bo mạch điều khiển và linh kiện các loại) tại thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và Long An.

- Sản xuất sản phẩm công nghệ cao (chế tạo rô-bốt, thiết bị thông minh, hệ thống nano, CNC) tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An.

- Sản xuất thiết bị điện: máy biến áp, dây cáp điện tại các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Bình Phước, Tây Ninh.

*** Tầm nhìn đến 2035**

- Tập trung các dự án có công nghệ cao: chế tạo rô-bốt, thiết bị chuyên dụng thông minh trong các ngành tài chính; ngân hàng; du lịch; chăm sóc sức khoẻ; giáo dục; nghiên cứu khoa học; vận tải hàng hải, hàng không.

- Chế tạo vật liệu ứng dụng trong công nghiệp điện tử: nam châm, đất hiếm, các vật liệu vô định hình và vi tinh thể, vật liệu nano, vật liệu và linh kiện quang - điện tử phục vụ cho lĩnh vực viễn thông, tự động hoá.

g) Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm

*** Giai đoạn đến năm 2025**

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết tốt nguồn nhân lực ở khu vực nông thôn.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm theo hướng áp dụng công nghệ tiên tiến, đa dạng hoá sản phẩm, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong vùng, đồng thời tăng nhanh sản lượng xuất khẩu.

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy, hải sản tại các tỉnh Bình Phước, Tiền Giang, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang.

- Sản xuất bia, nước giải khát, nước khoáng tại các tỉnh Bình Phước, Tiền Giang, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Sản xuất thực phẩm đóng hộp (chế biến thịt, hải sản, hoa quả, bánh kẹo, sữa) tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

*** Tầm nhìn đến 2035**

- Nâng cấp các cơ sở hiện có, đổi mới công nghệ hiện đại có năng suất cao, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Ưu tiên đầu tư mới các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các địa phương trong Vùng.

- Đầu tư quy mô công nghiệp các dự án chế biến nông, thủy sản, kết hợp với tiếp tục triển khai các dự án bảo quản và chế biến thực phẩm (nước giải khát, thịt gia súc, gia cầm, hải sản).

h) Công nghiệp sản xuất điện năng

- Phát triển ngành điện và đa dạng hoá các nguồn sản xuất điện cùng với mạng truyền tải để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng điện cho sản xuất và tiêu dùng đang tăng nhanh của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Phát triển và hoàn thiện hệ thống lưới điện nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện theo tiêu chí N-1, giảm thiểu tổn thất điện năng.

- Tiếp tục nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới, chọn lọc xây dựng một số dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sinh khối.

- Thực hiện các dự án phát triển điện lực Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030" đã được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 03 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2. Phân bố không gian phát triển công nghiệp

*** Thành phố Hồ Chí Minh:**

- Thay đổi tỷ trọng cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ lệ máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, sản phẩm cơ khí tiêu dùng cao cấp.

- Tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, đòi hỏi ít nhân công lao động (vật liệu bán dẫn, các loại chip điện tử, vi mạch)

- Tập trung phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành Trung tâm lớn về sản xuất phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin ở khu vực Đông Nam Á. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao để đáp ứng nhu cầu phát triển của công nghiệp công nghệ thông tin nói chung và công nghiệp phần mềm, nội dung số nói riêng

- Đối với ngành công nghiệp chế biến, chỉ tập trung sản xuất chế biến các sản phẩm tinh, chế biến sâu, có giá trị gia tăng lớn.

- Đối với ngành dệt may, da giày tập trung xây dựng Trung tâm một thời trang lớn nhất của cả nước tại thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bà Rịa - Vũng Tàu:**

- Đưa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành trung tâm công nghiệp mạnh về kinh tế biển, với hệ thống thương cảng quốc gia và quốc tế, là một trong các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch, hải sản lớn của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước.

- Phát triển ngành cơ khí, công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, đặc biệt cơ khí phục vụ công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí.

- Ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng cần tập trung nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm có lợi thế như: sản xuất đá xây dựng, gạch ốp lát các loại, hướng tới sản xuất các loại vật liệu cao cấp phát triển các trạm nghiền xi măng phục vụ nhu cầu tại chỗ trên địa bàn Tỉnh.

- Ngành khai thác dầu khí: Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, thăm dò theo sự chỉ đạo của Chính phủ nhằm gia tăng tiềm năng và trữ lượng dầu khí, ưu tiên các khu vực đã phát hiện dầu khí nhưng chưa khẳng định giá trị thương mại. Giảm nhẹ sản lượng khai thác đối với dầu khí, đẩy mạnh các hoạt động thăm dò nhằm tìm kiếm mỏ mới, tăng trữ lượng khai thác cho các năm tiếp theo.

*** Bình Dương:**

- Trở thành một trong các trung tâm cơ khí mạnh của Vùng, tập trung sản xuất cơ khí chuyên dụng phục vụ các ngành công nghiệp, gia công, sản xuất phụ tùng, linh kiện, cụm chi tiết; cơ khí tiêu dùng; sản xuất thép chất lượng cao; cơ khí chính xác, cơ khí lắp ráp, cơ khí sửa chữa; máy móc thiết bị phục vụ nông - lâm nghiệp (máy kéo, máy nông nghiệp, thiết bị chế biến nông - lâm sản); sản phẩm cơ khí tiêu dùng cao cấp.

- Phát triển các khu công nghiệp sản xuất các sản phẩm điện tử

- Đối với ngành chế biến nông lâm thủy sản chỉ tập trung sản xuất, chế biến các sản phẩm tinh, chế biến sâu, có giá trị gia tăng lớn.

- Đối với ngành sản xuất VLXD, chủ yếu sản xuất gốm sứ vệ sinh, gạch ốp lát

*** Đồng Nai**

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ cơ khí ô tô, xe máy; cơ khí chế tạo; cơ khí xây dựng, tiêu dùng. Tạo nền tảng cho phát triển các ngành công nghiệp lắp ráp và sản xuất, chế tạo sản phẩm cơ khí hoàn chỉnh.

- Phát triển các khu công nghiệp sản xuất các sản phẩm điện tử

- Chỉ tập trung sản xuất chế biến các sản phẩm tinh, chế biến sâu, có giá trị gia tăng lớn.

- Đối với ngành sản xuất VLXD, phát triển sản xuất gốm sứ vệ sinh, gạch ốp lát.

*** Bình Phước:**

- Đầu tư nhà máy cơ khí với quy mô thích hợp làm nòng cốt cho ngành cơ khí, bao gồm: Nông cụ, dụng cụ cầm tay; sửa chữa thiết bị phục vụ công nghiệp chế biến nông - lâm sản; sửa chữa, trung tu ô tô, máy kéo và phương tiện vận tải; cơ khí hỗ trợ cho khai thác và chế biến khoáng sản.

- Đầu tư xây dựng các nhà máy lắp ráp, sản xuất các thiết bị phân cứng và điện tử hoàn chỉnh với qui mô lớn, công nghệ hiện đại

- Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm. Ưu tiên đầu tư từng bước công nghệ và thiết bị cho các doanh nghiệp, giảm dần khoảng cách về trình độ của các doanh nghiệp giữa các địa phương trong Vùng.

- Phát triển sản xuất giấy dếp và cặp túi; hình thành khu cụm sản xuất và kinh doanh mua bán nguyên phụ liệu ngành da - giấy.

- Tập trung sản xuất xi măng.

*** Tây Ninh, Long An, Tiền Giang**

- Xây dựng một số doanh nghiệp cơ khí đầu đàn, thúc đẩy, khuyến khích phát triển các cụm cơ khí nhỏ theo địa bàn đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn; phát triển các sản phẩm cơ khí hỗ trợ.

- Đầu tư xây dựng các nhà máy lắp ráp, sản xuất các thiết bị phần cứng và điện tử hoàn chỉnh với qui mô lớn, công nghệ hiện đại

- Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm, ưu tiên từng bước đầu tư công nghệ và thiết bị cho các doanh nghiệp sản xuất của ngành này tại các địa phương, giảm dần khoảng cách về trình độ của các doanh nghiệp sản xuất giữa các địa phương trong Vùng.

- Tiếp nhận và phát triển các doanh nghiệp sản xuất giấy dếp và cặp túi; hình thành khu cụm sản xuất và kinh doanh mua bán nguyên phụ liệu.

- Riêng đối với Tây Ninh, phát triển sản xuất xi măng; gạch ốp lát các loại; đối với Tiền Giang phát triển công nghiệp cơ khí, công nghiệp hỗ trợ cơ khí ô tô, xe máy; cơ khí chế tạo; cơ khí xây dựng, tiêu dùng. Tạo nền tảng cho phát triển các ngành công nghiệp lắp ráp và sản xuất, chế tạo sản phẩm cơ khí hoàn chỉnh.

5. Các giải pháp

5.1. Giải pháp chung

a) Huy động nguồn lực, định hướng đầu tư vào các chuyên ngành chủ lực và dự án trọng điểm

- Vốn từ Ngân sách Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, một phần hỗ trợ cho đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Vốn tín dụng ưu tiên cho các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp vay đầu tư phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Nhà nước khuyến khích. Các chính sách ưu đãi cần hoàn thiện theo hướng bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế về mức vốn, thời hạn, lãi suất, thế chấp, bảo lãnh vay vốn.

- Huy động vốn cho đầu tư phát triển các ngành công nghiệp chủ lực từ mọi nguồn, chú trọng các nguồn vốn của doanh nghiệp, từ thị trường chứng khoán, từ cổ phần hoá doanh nghiệp, nguồn FDI, vốn vay.

- Xây dựng và ký kết các liên kết kinh tế với các quốc gia để phối hợp và tận dụng nguồn vốn, năng lực của nhau và để bước đầu tạo dựng cho doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

b) Nhóm giải pháp về thị trường và xúc tiến thương mại

- Chú trọng xây dựng và mở rộng mạng lưới bán buôn, bán lẻ trong nước theo hướng văn minh, hiệu quả.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin thị trường, để giúp các doanh nghiệp mở rộng thị trường. Tổ chức thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” để thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá trong nước.

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý liên quan tới thương mại để hạn chế những hành vi gian lận thương mại (hàng giả, hàng nhái, buôn lậu), vi phạm các nguyên tắc và luật lệ thương mại quốc tế như trợ cấp, bán phá giá; các hành vi cạnh tranh không bình đẳng; nâng cao ý thức của người tiêu dùng và tăng cường vai trò của Hội bảo vệ người tiêu dùng.

- Nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành hàng trong công tác xúc tiến thương mại, phát triển thị trường và hỗ trợ giữa các doanh nghiệp trong Vùng.

c) Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Hoàn thiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ cao trong sản xuất như cho vay ưu đãi, khấu hao máy móc và thiết bị nhanh, miễn, giảm thuế thu nhập.

- Có chính sách hỗ trợ một phần kinh phí để đổi mới, chuyển giao công nghệ, hoặc mua thiết kế, đào tạo nhân lực.

- Hình thành một số trung tâm nghiên cứu và phát triển mạnh đủ khả năng cung cấp thông tin, tư vấn chuyển giao công nghệ tiên tiến cho các doanh nghiệp công nghệ trong Vùng.

- Hỗ trợ tài chính để phát triển thị trường công nghệ, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và sản xuất, thực thi nghiêm chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; hỗ trợ đặc biệt và khuyến khích về vốn, thuế đối với các sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm chế thử lần đầu từ các kết quả nghiên cứu.

- Thành lập Trung tâm thông tin, tư vấn về khoa học công nghệ; lập cơ sở dữ liệu về công nghệ theo các nhóm ngành kinh tế - kỹ thuật để doanh nghiệp có thể lựa chọn công nghệ phù hợp.

- Ban hành chính sách hỗ trợ thuận lợi nhất cho việc hình thành hệ thống vườn ươm khoa học công nghệ trong nước với sự giúp đỡ của các tổ chức khoa học công nghệ nước ngoài;

d) Nhóm giải pháp về tài chính, thuế, đất đai

+ *Về tài chính*

- Tạo thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp được tiếp cận các nguồn tài chính một cách bình đẳng, nhanh chóng;

- Đối với các doanh nghiệp phát triển sản xuất sản phẩm công nghệ cao được Nhà nước hỗ trợ từ 50% đến 100% kinh phí nghiên cứu, thực nghiệm. Được vay vốn ưu đãi tới 85% vốn từ Ngân hàng phát triển Việt Nam theo Luật Công nghệ cao và Chương trình phát triển sản phẩm công nghệ cao của Chính phủ.

+ Về thuế, phí

- Từng địa phương cần công khai khung giá thuê đất cho từng khu vực tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn; phổ biến các biểu thuế theo lộ trình cam kết với WTO và các hiệp định tự do thương mại FTA song phương và đa phương để doanh nghiệp chủ động và có các giải pháp thực hiện;

- Sử dụng công cụ thuế, phí một cách linh hoạt, phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế để khuyến khích cạnh tranh bình đẳng, đồng thời bảo hộ hợp lý một số sản phẩm công nghiệp.

+ Về đất đai

- Phân bổ kế hoạch sử dụng đất một cách hợp lý, có hiệu quả, đặc biệt đất dành cho KCN, CCN và cho phát triển nhà ở, kết cấu hạ tầng văn hoá, xã hội cho người lao động trong các KCN, KCX đồng bộ;

- Có giải pháp và chính sách tích cực, đồng bộ để thực hiện giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư cho các dự án bảo đảm tiến độ xây dựng.

e) Nhóm giải pháp về tạo dựng sự phối hợp, liên kết trong Vùng

- Tăng cường sự liên kết giữa các địa phương trong vùng kinh tế, trên cơ sở hoạt động của các Ban điều phối vùng, từng địa phương trong vùng cần xác định được những lợi thế riêng của từng địa phương, từ đó xác định các lĩnh vực công nghiệp ưu tiên trọng yếu cần phát triển của mỗi địa phương trong cơ cấu công nghiệp chung của vùng, để tận dụng lợi thế về quy mô, tránh phát triển chồng chéo, trùng lặp giữa các địa phương trong vùng như hiện nay;

- Xây dựng và triển khai các dự án phát triển công nghiệp quy mô vùng, nhất là các dự án lớn liên quan đến các tỉnh lân cận nhau, ưu tiên các dự án phát triển công nghiệp có hàm lượng vốn và khoa học công nghệ cao (cơ khí chế tạo, tin học, điện tử).

5.2. Giải pháp trước mắt

a) Tạo lập môi trường hấp dẫn cho đầu tư, sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động công nghiệp theo hướng ổn định, công bằng, minh bạch, giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp;

- Thực hiện chương trình hiện đại hoá và cải cách thủ tục hành chính (thủ tục cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng, đấu thầu, đăng ký sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, hải quan, thuế) theo hướng đơn giản hoá quy trình, giảm các thủ tục không cần thiết; tăng cường áp dụng hành chính điện tử. Đồng thời, xem xét

quy định cụ thể về việc cung cấp và chứng thực chữ ký số để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Phát triển hệ thống logistics tầm cỡ quốc tế, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư nước ngoài trong giai đoạn đến năm 2020, sau đó phát triển mạnh các doanh nghiệp trong nước nhằm giảm chi phí trung gian cho các doanh nghiệp.

- Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống công nghiệp Vùng nhằm cung cấp thông tin cần thiết về các hoạt động có liên quan đến đầu tư, tình hình hoạt động của các lĩnh vực công nghiệp, sản phẩm của các doanh nghiệp cho việc hoạch định, điều chỉnh chính sách và cho các tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

b) Nhóm giải pháp về đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực công nghiệp

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở trao đổi, hợp tác chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp, và gắn liền với định hướng phát triển vùng, nhằm đảm bảo cân đối cung cầu lao động trong toàn vùng;

- Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực lao động theo yêu cầu công việc cụ thể để làm cơ sở tuyển dụng chứ không chỉ căn cứ vào bằng cấp như hiện nay;

- Cần có chế độ ưu đãi trong đào tạo, như chế độ học bổng, chế độ tuyển dụng sau khi ra trường.... để tuyển chọn được những nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghệ cao, các lĩnh vực công nghiệp chủ lực;

- Khuyến khích doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo bằng cách đầu tư kinh phí, tuyển chọn nhân lực để đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp; sau khi đào tạo sẽ ưu tiên tuyển dụng và phục vụ có thời hạn cho doanh nghiệp. Các hình thức khuyến khích như trợ cấp chi phí đào tạo, miễn thuế hoặc hoàn trả sau.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm công bố “Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” và tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch.

b) Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Quy hoạch.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam:

- Phối hợp với Bộ Công Thương, các bộ ngành liên quan, rà soát, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch; chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút đầu tư. Khẩn trương triển khai xây dựng các công trình hạ tầng đặc biệt là hạ tầng khu, cụm công nghiệp, giao thông, thông tin liên lạc để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

- Nghiên cứu đưa nội dung triển khai quy hoạch công nghiệp Vùng vào kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm về phát triển công nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp xây dựng chương trình chung về xúc tiến kêu gọi đầu tư và triển khai quy hoạch một cách thống nhất, góp phần phát triển hài hoà giữa các địa phương trong Vùng.

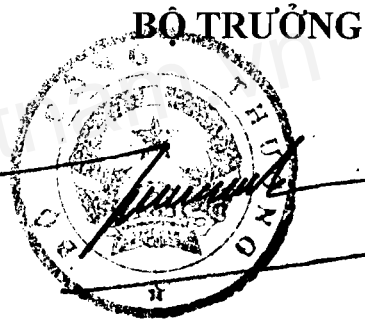
- Giao Sở Công Thương chủ trì, tổng hợp tình hình thực hiện quy hoạch Vùng hàng năm (các dự án cấp vùng trên địa bàn tỉnh), đề xuất các kiến nghị và báo cáo Bộ Công Thương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang;
- Website Bộ Công Thương;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ;
- Viện Nghiên cứu CLCSCF;
- Lưu: VT, KH (2b).



Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC
DANH MỤC MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỦ YẾU
VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM
ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Kèm theo Quyết định số **3318**/QĐ-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2017
 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên chương trình, dự án	Dự kiến địa điểm
1.	Công nghiệp khai khoáng	
1.1.	Khai thác dầu thô và khí đốt thiên nhiên	Bà Rịa - Vũng Tàu
1.2.	Khai thác đá vôi xi măng	Tây Ninh, Bình Phước
1.3.	Khai thác sét gạch ngói và cao lanh	Bình Dương, Đồng Nai
1.4.	Khai thác nước khoáng	Bà Rịa-Vũng Tàu
2.	Công nghiệp cơ khí, luyện kim	
2.1.	Dự án sản xuất thép tấm cao cấp, thép đặc chủng.	TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu
2.2.	Dự án sản xuất cơ khí ngành đóng tàu; chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; máy móc thiết bị ngành dầu khí, phương tiện vận tải và cảng biển.	TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang
2.3.	Dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí; Cơ khí phục vụ các ngành giao thông, xây dựng, chế biến nông, lâm thủy sản, khai khoáng, môi trường và năng lượng.	Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Tiền Giang
3.	Công nghiệp thiết bị điện, điện tử	
3.1.	Dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành điện tử (linh kiện điện tử, thiết kế mạch in, chip điện tử, bo mạch điều khiển và linh kiện các loại)	TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An
3.2.	Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao (chế tạo rô-bốt, thiết bị thông minh, hệ thống nano, CNC)	TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An
3.3.	Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thiết bị điện (máy biến áp, dây cáp điện)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Bình Phước, Tây Ninh

4.	Công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm	
4.1.	Dự án sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy, hải sản.	Bình Phước, Tiền Giang, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang
4.2.	Dự án sản xuất bia, nước giải khát, nước khoáng	Bình Phước, Tiền Giang, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu
4.3.	Dự án sản xuất thực phẩm đóng hộp (chế biến thịt, hải sản, hoa quả, bánh kẹo, sữa)	Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu
5.	Công nghiệp hóa chất	
5.1.	Dự án sản xuất các sản phẩm hoá dầu trong Tổ hợp hoá dầu miền Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu
5.2.	Dự án sản xuất lốp xe tải Radial	Bình Dương
5.3.	Dự án sản xuất sơn gỗ, sơn tĩnh điện, sơn tàu biển chất lượng cao.	TP Hồ Chí Minh; Bà Rịa Vũng Tàu
5.4.	Dự án sản xuất sản phẩm hoá dược.	Các địa phương trong Vùng
6.	Công nghiệp dệt may - da giày	
6.1.	Dự án xây dựng trung tâm thiết kế mẫu mới thời trang	TP. Hồ Chí Minh
6.2.	Dự án sản xuất công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày	Đồng Nai, Bình Dương, Long An
7.	Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	
7.1.	Dự án sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ, vật liệu cách âm, cách nhiệt dùng trong xây dựng.	Long An, Bình Phước, Tây Ninh
7.2.	Dự án sản xuất gạch bloc thủy tinh, gạch trang trí	Đồng Nai; Bà Rịa - Vũng Tàu; Bình Phước
7.3.	Dự án sản xuất gốm sứ vệ sinh, gạch ốp lát	Đồng Nai; Bình Dương